TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 17/01/2025.
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Ông Quản Văn Tiến***.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Phùng.
2. Ông Lê Bá Lung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 828/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 25/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2024/QĐ-HPT ngày 24/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị M**, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: 307, E, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Kênh K, Đ, Y, Thanh Hóa. Bà M vắng mặt

Bị đơn: **Ông Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: 307, E, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội; Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn ly hôn và các văn bản, nguyên đơn - bà Lê Thị M trình bày:

Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Trọng T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, ngày 16/3/2009.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, cuộc sống chung không có hạnh phúc; vợ chồng không có sự cảm thông, thấu hiểu, không có sự chia sẻ; ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm, không chăm sóc nhau.

Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

- Con chung: Bà M xác nhận bà và ông T có 01 con chung là Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày 02/10/2009, cháu V1 hiện đang sinh sống của ông T tại địa chỉ C, E, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội, cháu cũng có nguyện vọng xin được ở cùng

với ông T. Hiện nay bà M đang mắc bệnh hiểm nghèo, phải tiến hành chữa bệnh dài ngày tại bệnh viện, không có công ăn việc làm ổn định. Bà đề nghị Tòa án giao cháu Tường V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà.

- Tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà xác nhận bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu ly hôn, bà M không có yêu cầu nào khác.

**** Bị đơn - ông Nguyễn Trọng T*** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt, không đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

Tại phiên tòa:

* Bà M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 02/01/2025 bà M trình bày ý kiến: "Tôi xác nhận tôi và ông T có 01 con chung là Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày 02/10/2009. Hiện nay tôi vẫn đang phải tiến hành điều trị bệnh tại bệnh viện, cháu V có nguyện vọng xin được ở với bố, tôi đề nghị Tòa án giao cháu Tường V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi không có không có công ăn việc làm ổn định xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với tôi; Tài sản chung và nghĩa vụ chung chúng tôi không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết".

* Ông Nguyễn Trọng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa bà và ông Nguyễn Trọng T. Ông T thường trú tại phường P, quận Đ, Hà Nội; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị M đối với ông Nguyễn Trọng T. Con chung: Xác nhận bà M và ông T có 01 con chung là Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày 02/10/2009; Giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà M; Tài sản chung: Bà M không yêu cầu nên không xét; Nợ chung: Không có. Án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Tố tụng**:

- Thẩm quyền: Trước và tại thời điểm thụ lý cho đến nay, ông T thường trú tại phường P, quận Đ, Hà Nội. Bà Lê Thị M có đơn xin ly hôn ông T tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

Việc tham gia tố tụng tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T; ông T đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần 2 hợp lệ nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

2. **Nội dung**:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà M và ông T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên ngày 16/3/2009; Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, xác nhận hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thấy: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau…, bà M và ông T cư trú mỗi người một nơi, không quan tâm, không chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, không có sự yêu thương, cảm thông và chia sẻ; Toà án cũng tạo điều kiện về thời gian để ông, bà chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng song từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông bà vẫn sống ly thân, không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng; Tòa án đã 02 lần thông báo và tống đạt hợp lệ cho ông T đến Toà để tham gia phiên hoà giải theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do; Tại phiên tòa lần 2 ông T vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông cũng không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà M vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, với điều kiện, hoàn cảnh như hiện nay thì ông, bà không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Ông T không đến Toà thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình,

không đưa ra ý kiến, quan điểm, không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ để xem xét.

2.2. Con chung: Bà M và ông T có 01 con chung là Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày 02/10/2009. Tại phiên tòa, bà M đề nghị Tòa án giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay bà đang mắc bệnh hiểm nghèo phải tiến hành điều trị bệnh dài ngày tại bệnh viện, bên cạnh đó cháu Tường V cũng có nguyện vọng xin được sống cùng với ông T. Từ thời điểm ông bà ly thân năm 2016 cho tới nay cháu V cư trú cùng ông T, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ; Từ năm 2016 đến nay cháu V cư trú cùng ông T, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường; do vậy, việc giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của ông bà, để tránh xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý, cuộc sống ổn định hiện nay của cháu V. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét bà M sức khỏe yếu, mắc bệnh hiểm nghèo, không có công ăn việc làm ổn định, chấp nhận việc tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà M.

2.3. Tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2.4. Nợ chung: Bà M xác nhận quá trình chung sống ông bà không có khoản vay nợ nào chung, không yêu cầu Tòa giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

3. Án phí: Bà M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt, không thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự; do đó không xét.

Bà M, ông T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Điều 18, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. **Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M**.

Bà Lê Thị M được ly hôn ông Nguyễn Trọng T.

2. **Con chung**: Xác nhận bà M, ông T có 01 con chung là Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày 02/10/2009. Giao cháu Tường V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà M đến khi nào ông T có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Bà M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. **Tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Bà M không yêu cầu nên không xét.

4. **Nợ chung**: Bà M xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu nên không xét.

5. **Án phí**: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001930543 ngày 01/10/2024 (đã thanh toán trực tuyến vào số tài khoản 3949.0.1049185 theo thông báo nộp tiền tạm ứng số 848 ngày 01/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, mã thông báo MLIU78DPXC).

Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Trọng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Cơ quan Thi hành án quận Đống Đa;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quản Văn Tiến